

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 11

CHƯƠNG II: NGHĨA GIẢI

TRONG PHẦN 7 CỦA CHƯƠNG II

(Chánh Truyện có mười hai vị, phụ có năm vị)

- 1- Truyện ngài Thích Chí Niệm ở Bột Hải đời Tùy.
- 2- Truyện ngài Thích Trí Cự trụ tại Đạo tràng Nhật Nghiêm ở Tây Kinh, đời Tùy (Tuệ Cảm, Tuệ Trách)
- 3- Truyện ngài Thích Tuệ Hải trụ tại Đạo tràng Tĩnh Pháp ở Tây Kinh, đời Tùy.
- 4- Truyện ngài Thích Biện Nghĩa trụ tại Đạo tràng Nhật Nghiêm ở Tây Kinh, đời Tùy.
- 5- Truyện ngài Thích Minh Thuấn trụ tại Đạo tràng Nhật Nghiêm ở Tây Kinh, đời Tùy (Tuệ Tướng)
- 6- Truyện ngài Thích Trí Phạm trụ tại Đạo tràng Thiền Định ở Tây Kinh, đời Tùy
- 7- Truyện ngài Thích Tĩnh Uyên trụ tại Đạo tràng Chí tướng ở núi Chung Nam, đời Tùy
- 8- Thích Đạo Tông ở chùa Thắng Quang tại Kinh đô, thời Tiền Đường.
- 9- Truyện ngài Thích Phổ Khoáng trụ tại chùa Từ Môn ở Kinh đô, thời Tiền Đường.
- 10- Truyện ngài Thích Bảo Cung trụ tại chùa Đại trang nghiêm ở kinh đô, thời Tiền Đường.
- 11- Truyện ngài Thích Pháp Khản trụ tại chùa Đại Hưng Thiện ở Kinh đô, thời Tiền Đường (Đạo Phũ).
- 12- Truyện ngài Thích Cát Tạng trụ tại chùa Diên Hưng ở Kinh đô, thời Tiền Đường (Tuệ Viễn).

1- Truyện Sa-môn Thích Chí Niệm ở Bột Hải, đời Tùy:

Thích Chí Niệm, họ Trần, người ở xứ Tín Đô, thuộc Ký Châu. Tổ tiên sư ở Dĩnh Xuyên, là con cháu của Thật Phiên. Nhân làm quan mà đời đến ở Hà Sóc. Sư trong sạch như băng tuyết phô bày chí khí, lừng lẫy thần cao vội, tài giỏi hơn mọi người, quán xét ý nghĩ. Đến lúc thọ giới cụ túc, sư hỏi đạo ở Nghiệp Đô. Có Pháp Sư Đạo Trường là người tinh thông luận Đại Trí Độ, được người học y cứ. Sư bèn mang rương tráp theo nghe, trải qua mấy năm, đã nổi tiếng trong Pháp tịch. Cái gọi là không còn nối nhau v.v... một thời tài giỏi liệt bày ngang hàng bằng đức, có nghĩa là giải hiểu chẳng đầy, ruốt cuộc nơi quan tài. Sư bèn vân du đến các trường giảng, tham cứu đầy đủ mọi chỗ sâu kín với mục đích là cùng tận chỗ nhiệm mầu. Sư lại đến chỗ Pháp Sư Đạo Sùng, học luận Thập Địa, nghe đầu biết cuối, nghe mà dường như đã có đọc trước. Bấy giờ, Đạo Vương Hà bắc nghe nói ở Tây Tần có Pháp sư Tuệ Tung người nước Cao Xương, thông hiểu giáo nghĩa Tiểu thừa, người đời tôn xưng là “Tỳ-đàm Sư Tử”. học giúp thiên hạ, người học theo rất đông. Các Sa-môn Đạo Du, Trí Hồng, Hoảng Giác, Tán Ngụy v.v... đều được gọi là “Kỷ Tử” trong Pháp tịch, là ngọc Lâm Lãng trong vườn tuệ. Sư bèn xét mà cho theo học, trên đường thành danh, đều rộng thông huyền cực, có thể làm nương tựa cho mọi vật.

Sư trở về quê cũ, sắp mở rộng Pháp đàn. Bấy giờ, Thứ sử nhậm trấn tại thành là Vương Ngạn tức Giới Đệ của Vua, tình giúp Hư tông, đã gặp Sư trở về, bèn vì bày Pháp hội, cùng Pháp Sư Tăng Quỳnh đối đáp mở mang hóa Đạo, mở lớn Bốn Tình. Hai ngài song song giảng nói hai Bộ luận, trước giảng Luận Đại Trí Độ, sau phát Tạng Tâm. Cự đối kinh địch bén nhọn, thấy đều tan mật. Bấy giờ, có Sa-môn Pháp Kế ở Châu Đô, là người tài giỏi ở Lương Hà, là Cao Tăng của Yên Ngụy, ở trong chỗ ngồi, bảo với Sư rằng: “Thấy em tuổi trẻ mà tuệ ngộ vượt xa như thế, chắc chắn Đại Giáo nhờ Em mà hương thanh, danh tiếng chẳng mất!” Ở đó Sư từng giảng nói hai bộ luận suốt hơn mười năm. Học quán như khai mở ráng mây, đàm uận như rừng sương móc nhóm họp. Thời vận nhà Tề thay đổi trong lịch sử, nhà Bắc Chu phá hủy kinh Phật, Sư bèn lánh nạn đến góc biển, ăn mặc đồng như thế tục, lại tìm Tiểu luận, kíp động cơ trời, nghi ngờ lừng tiêu tan, đợi khiến vận sáng, gặp lúc nhà Tùy mở vận nước nhà. Mặt trời Phật lại sáng. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thăm hỏi, Sư mới bèn dự phần xuất gia, song có tâm chứa nhóm Ca-diên, chưa vội phô bày.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ bốn (584) đời Tùy, Sư bảo với Sư

Đệ là Sa-môn Chí Trạm rằng: “Tôi thông hiểu thấu suốt giáo điển Tiểu thừa, tự lưỡng xét ngang với La-hán. Chỉ vì thời cơ chưa đến nên tạm thu gọn lại!” Ngài Chí Trạm sớm tận hưởng Pháp vị, mừng vui báo với em. Đem sự việc ấy nói với Pháp Sư Minh Ngạn. Ngài Minh Ngạn là đầu mối của Thành Thật, vốn rất mến trọng danh tiếng của Sư bèn cùng môn nhân, Đệ tử hơn ba trăm người như Hồng Cai, v.v... đích thân lo việc thỉnh mời Sư mở mang khai giảng Tâm Luận. Sư bèn duỗi thẳng chánh trời, mở mang công phu giúp đời; Mọi việc làm theo cơ, bày mưu đồ rộng bàn luận. Danh vị nhóm họp, thức giả duyên trọng, cuộn mở dưới quyền xưa, lập phước trước chung cùng. Đại nghĩa có hơn ngàn điều đều làm khuôn phép dẫn dắt. Còn như Ca-diên Bổn Kinh truyền lầm đã lâu, trong kiên-độ Nghiệp rơi lạc mất bốn trang. Các giảng sư giảng giải không hề tìm, Sư suy lưỡng sau trước mà tiếp nối đoạn văn ấy, lý hợp từ liền đều phù hợp với tiên tác. Ban đầu chưa mấy ai tỏ ngộ, sau có bản truyền từ Giang Tả, bèn đem ra khám xét di tích, so sánh xem xét đoạn Sư soạn, thật không có thêm bớt. Bấy giờ đều cho rằng Sư là người không ai có thể lưỡng biết được!

Sư soạn Ca-diên Tạp Tâm Luận Sơ và Quảng Sao, mỗi bộ chín quyển, thanh hành ở đời. Có đến mấy trăm vị thọ học, như ở Quận cấp có Sa-môn Hồng Ngạn, ở Triệu Quận có sa-môn Pháp Ý, ở Chương Tân có sa-môn Hoài Chánh, ở Tương Quốc có sa-môn Đạo Thâm, ở Quận Ngụy có Sa-môn Tuệ Hựu, ở Hà Gian có sa-môn Viên Sán; Tuấn Nghi; Thiện Trụ, ở Nhữ Nam có sa-môn Tuệ Ngưng, ở Cao Thành có sa-môn Đạo Chiếu, ở Lạc thọ có sa-môn Minh Nho, ở Hải Đại có Sa-môn Viên Thường, ở Thượng Cốc có sa-môn Tuệ Tạng, v.v... đều là những vị như lan cúc ngang bằng, tỏa ngát hương thơm, tiếp gót truyền nghiệp. Ở các xứ sông ải giúp thắm nhuần hơn hai mươi năm. Hán Vương Lượng đời Tùy làm trấn nhậm tại Tấn Dương, Ban điều vệ ký, tìm chọn các bậc Danh đức, dự có Hoằng Tuyên, Sư bèn cùng học chúng hơn bốn trăm người vâng phụng lễ tây, đồng thời nhận Vua cúng. Hán Vương Lượng mới ở bên trong cung thành, xây dựng Tử thành, thiết đặt Linh tháp, riêng lập Tinh xá, đề tên là chùa Nội Thành, dẫn Sư đến trụ ở đó, nay tức là Chùa Khai Nghĩa. Thăm hỏi rất ân cần, lại thêm lễ trọng. Vương Lượng lại bảo Thượng-Khai-Phủ-Tư-Nghi-Tham-Quân Vương Phả tuyên giáo rằng: “ít có người hoàn bị là làm con Vua cha Dân đến chấp chính nhiều như vậy. Triệu thỉnh các Pháp Sư v.v... xa đến ban chỉ. Đạo không bị thời vận làm suy hư hẳn là nhờ sức người mở mang, chính vì muốn mở mang Phật giáo, khiến mặt trời Trí tuệ chiếu soi trong sáng,

muôn triệu thứ dân được nương nhờ năng lực của giáo pháp. Nên chọn cử những vị nghiệp hạnh lớn đến chùa Đại hưng Quốc tuyên dương Chánh Pháp.” Bấy giờ, cả Đại chúng lại suy cử Sư, đã lãnh dự kinh luân tức mở mang răn dạy. Sư trước nêu Đại Luận, sau cùng giảng nói Tiểu thừa, biện rớt như nước chảy, tiếng xướng như trống trời, ba thừa đều nhanh chóng, bốn bộ kíp đầy đủ. Hơn năm mươi vị mà ai cũng biết tên như là Sa-môn Tuệ Đạt, Pháp Cảnh, Pháp Lăng, Thập lực, Viên Kinh, Pháp Đạt, Trí Khải, Tăng Loan, Tăng Tạng, Tinh Quán, Thật Siêu, Thần Tố, Đạo Kiệt v.v... đều nổi tiếng khắp chín xứ, tỏ rạng đức ở năm thừa, tinh nghiêm thấu cùng Giáo điển nội ngoại, lãnh chúng giáo hóa mỗi phương, đều tiêu tan bỉ luận ở trong Pháp tịch, dứt sạch nghi bít nơi lý tế.

Niên hiệu Nhân thọ thứ hai (602) đời Tùy, Hiến Hậu qua đời, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban chiếu tìm mời Vương Lượng vào Phụ, Vương Lượng bèn nhóm họp chư tăng mà thưa rằng: “Nay phải có 1 vị Pháp Sư thần giải cao đệ, có thể cùng với Quả nhân vào triều, phảng kháng lại luận Kinh Hoa, truyền bá phong hóa Đạo tục.” Chư tăng đều nhìn nhau, chưa có vị nào đối đáp. Vương Lượng nói tiếp: “Như chỗ xét của tôi nay có Pháp Sư Chí Niệm có khả năng kham nhận trong việc chọn lựa này”. Sư bèn cùng Vương Lượng đồng đi. Đã đến chốn kinh đô, rừng thiền mở giảng. Vương Lượng tự làm Đàn Việt, xây dựng trường giảng. Sư lên Pháp tòa, chấn động giảng truyền, đáp khắp bốn phía đều như băng tiêu. Thanh Luận từ từ chuyển vận, các mối nghi dần tan. Do đó, các hàng môn nhân kính mến giáo nghĩa hòm kính khắp chín đường đều cùng mặt khuôn phép. Trải qua thời gian hơn trăm ngày, hưng thịnh mở giảng điều chúng chưa hề nghe. Vương Lượng lại cùng Sư đồng về lại Tinh Châu. Học chúng ở Tấn Dương chờ đợi kính tưởng Lai Nghi. Vương Lượng lại ban xuất giáo lệnh cử Sư trụ chùa Bảo Cơ khai giảng truyền trao. Phương diện ngàn dặm, Pháp tòa liền âm. Sư cầm quyền kinh nương thừa diệu chỉ cùng bước lên giai vị.

Gặp lúc nhà Tùy cao vời Yên giá, trong ngoài nghi ngờ lẫn nhau, Hán Vương Lượng riêng bày Cảnh Vực, cử binh đánh vùng Hải lục. Sư thừa dịp bèn trở về quê cũ, cùng các Sa-môn Minh Không, v.v... giảng tuyên hai bộ luận, các hàng nổi nghiệp ở thương minh trông theo Đạo phong đều nhóm họp. Đến đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, yêu khí vệt tan, vởi dẫn Nghĩa học, mặt trời tuệ sáng. Vua Dương Đế (Dương Quảng) có ban chiếu đến thỉnh, nhưng Sư cố từ chối chẳng đến.

Đến niên hiệu Đại nghiệp thứ bốn (608) đời Tùy, Sư thị tịch tại Thương thổ, thọ bảy mươi bốn tuổi. Thái Thú Bột Hải là Kim Tử Quang lục Đại phu Lịch Dương Công Tổng nguyên lượng cùng các hàng tăng tục đều như gặp phải lễ tang người thân, Vì đó xây dựng Tháp báu. Pháp Sư Đạo Cơ trụ chùa Phước Thành ở Ích Châu là bậc tuệ giải thông triệt, thiền tập có cơ sở, bền vì biết thuật lại hành trạng của Sư, trích dẫn xưa nay, văn chất hiện còn.

2- Truyện ngài Thích Trí Cự trụ tại Đạo tràng Nhật Nghiêm ở Tây Kinh:

Thích Trí Cự, họ Ngô, người ở Quận Ngô. Tánh tình Sư trang trọng, khéo giỏi cơ hội, dung mạo khôi ngô, thanh nhã đáng làm tiêu biểu cho mọi người. Sư lại giỏi các kiểu chữ Lệ, chữ Thảo, riêng sư thích Văn Chương. Những lúc gặp được khách, Sư liền chuyên chú hứng thú tiếp nhật sắc thái, bày ngôn từ, tung hoành khen ngợi, đồng nghĩ như sương rơi lả tả, mà nghi quỹ hiển tư Sư không hề men theo dòng tục.

Ban đầu, Sư nghe Lăng Công ở chùa Hưng Hoàng giảng pháp. Sư xét sâu đến cùng, tài học trùm cả các vị tài giỏi đương thời, mà thần khí Sư nêu cao vượt ngoài tình vật, oai nghi rõ ràng, dung nghi khoan thái. Tuy ở nơi phòng ngủ rộng rang, Sư vẫn giữ tiết tháo không thay đổi. Có người riêng dò xét suốt hai tháng theo Sư khổ nhọc, ở giữa đồng không mà Sư vẫn nhiếp giữ y, không thấy sao y, mừng vì Sư cẩn thận, vì thế nên kính trọng. Sư giảng bốn bộ luận, kinh Đại Phẩm, mở suốt u phủ, soi sáng nhận biết tông quy, bày giải Kim Lăng, vọng trông phong cốt mà chóng khiếp sợ. Sư nhã nạp cơ biện thích hợp đối với đương thời. Mở lớn sự tốt đẹp ở Chiết đông, giữa mài học trước, giúp cho những người thành khí ở những vùng vô Huyệt, Tây vụ rất đông nhiều.

Về sau, Sư trụ chùa Kiến Sơ ở quê cũ, lại giảng tam luận, thỉnh chúng thường đông đến trăm người. Thứ sử Tương Châu là Võ Sơn Công Quách Diễn là Lương Tế của đời Tùy, mở lập đến Nam Phiên, phụng kính thưa hỏi ban tình quy cấm. Vua Dương Đế (Dương Quảng) đời Tùy lúc trấn giữ Dương Việt, góp nhặt nêu tội các bậc Anh Linh, mà vinh dự của Sư đã khắp cùng Đông Âu, tiếng tăm lưu vang đến Tây Sở, Vua mời Sư trụ chùa Tuệ Nhật, Sư sinh hoạt khác người thường, mà giữ chí vượt chúng, mở lời thì thành khuôn phép cho đời. Sư muốn khiến đạo pháp lan tỏa khắp Đế lý, học hạnh thấm nhuần cả Tần-Xuyên.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười chín (599) đời Tùy, Sư lại dời quan nhượng, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc mời Sư trụ chùa

Nhật Nghiêm ở Kinh đô. Mọi sự cúng dường đều do Tấn Quốc, dạy bảo thừa hồi lớn nhiều đặt trong phòng đẹp, kết bạn cùng các bậc Minh đức, tài giỏi một thời, đều là ở khắp bốn Biển tìm nêu khuôn phép, đặt lập trong sáng đẹp xinh, chẳng sánh với đồng bạn, chóng nghĩ sâu tìm không điều nhỏ gì chẳng xét. Bên ngoài lấy cố bệnh mà chối từ, bên trong thật sự đều thông. Hạnh nghiệp đua tranh 6 thời, nghiên cùng tinh thông chín bộ. Vừa mới có buồn ngủ thì xem hứng thi phú, thời gian dần hết, ngoài ra tiện trông xem lưu lược. Ngài soạn Trung Luận sơ chỉ giải thích văn kệ, ngài Thanh Mục tiêu dung, bỏ lậu mà khinh thường, Sư thường giảng đàm đầu mối trong sáng, đến tận tông trí, thanh nhàn đảm lược Đạo phong của ngài Đàm Ảnh, nghĩa sâu xa, văn sắc bén, rất có khí lượng của ngài Hồng Yển.

Bấy giờ, có Sa-môn Cát Tạng là bạn đồng một thầy với Sư, vốn học từ Lăng Công ở chùa Hưng Hoàng, Oai danh ngang hàng, văn vẻ rộng xa. Song, với Sư thì thật vượt hơn. Do đó mỗi lúc giảng vua đều soạn lời tựa mới, Văn từ đều khác chẳng đồng. Kinh hoa đức lớn, tận hưởng vị Đạo rộng nhiều, nhưng tánh Sư ít quen lờn bên ngoài, khoa lược ưa thích văn từ, tự chẳng nhóm họp chúng thì chưa từng xem xét.

Đến tháng giêng niên hiệu Đại nghiệp thứ hai (606) đời Tùy, Sư thị tịch tại phòng ở chùa, thọ bảy mươi hai tuổi, an táng ở phía Nam Kinh Giao. Sư có môn nhân đệ tử là ngài Tuệ Cảm và Tuệ Trách, đích thân được chỉ dạy, thừa hồi chỗ có kết quy. Sau Sư ở hai bên sông an trú hoàng hóa, mỗi vị tự dẫn bạn học đồng môn xuất chúng cả trăm người, nối tiếp Tông tịch, chẳng trái với đầu mối để lại.

3- Truyện ngài Thích Tuệ Hải trụ tại Đạo tràng Tĩnh Pháp ở Tây Kinh:

Thích Tuệ Hải, họ Trương, người xứ Ngô Hương thuộc Hà Đông. Từ lâu chứa nhóm hun đúc điều nghe, sớm thành tuệ lược. Tuổi tuy còn nhỏ mà đức hạnh dường như Lão thành. Do đó cũng tìm học Nho Môn, trải khắp xem cùng Huyền tứ. Tuy chưa rốt cùng văn cú ấy nhưng sơ lược đã thành đạt chỉ quy. Sư tự nói rằng: “Nơi có thể gá tâm dưỡng chí, chỉ có Phật Pháp?”

Năm mười bốn tuổi, Sư xuống tóc xuất gia làm đệ tử Pháp sư Đàm Diên là Sa-môn Đại Chiêu huyền thống. Sư lưu tâm nơi các bậc Tông tượng, xem xét sự hoàng hóa của các bậc thầy. Năm mười tám tuổi, Sư bèn giảng Kinh Niết-bàn đến những điểm năm Hạnh, mười đức, hai tịnh, ba điểm. Văn từ ý chỉ thấu hiểu, ngôn từ sắc thái dồi dào Thọ

giới cụ túc xong, Sư bèn nhàm chán huyền não phiền phức, ẩn vết nơi núi rừng, chuyên sùng thiền nghiệp. Sư trụ tại núi Phục Độc thuộc xứ Hoàng Nông. Gặp lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời bắc Chu ngang tàng tứ ý phá hủy nhân từ, Sư bèn lánh nạn đến đất Tề rồi vào đất Trần. Giới phẩm vẫn không khuyết thiếu, y pháp không buông xả. Lại tham cứu nghe giảng Nhiếp Luận, nghiên cứu cùng tận chỉ thú.

Đến lúc nhà Tùy chế định Thiên hạ, Sư mới đến Kinh Ấp. Chì ruột của Vua Văn Đế (Dương Khiêm) là Công chúa Thành An Trường là người có sự xét soi hiểu biết đến người, kính trọng Đức lớn của Sư mà vì xây dựng già-lam, Sư bèn nhận thọ và trụ ở đó, nay tức là chùa Tĩnh Pháp. Sư theo thời khoá chuyên giảng bốn bộ, Tam học đều mở mang. Môn nhân, đệ tử đông đúc đến nay vẫn lưu truyền tốt đẹp. Sau đó, Sư lại ưa thích mền trọng Định hạnh, chẳng ưa giảng nói, im lặng tự tu, chỉ lấy Đạo là mục đích, không ý cậy tiếng tăm lớn lao, không vọng nói phù sức. Trúc tâm là Đạo tràng chính ở nơi Sư.

Từ trong khoảng niên hiệu Nhân thọ (601-605) đời Tùy về trước, Vua Văn Đế thường ban ấn thư phân bố Xá-lợi và thường cảm ứng điềm lành đặc biệt. Và cũng thường có những sự tốt đẹp đó, nên trong cảm ứng truyện có chép: “Ban đầu ngài xây dựng tháp tại chùa Hằng Nhạc ở Định Châu, phía trái của nền tháp có chỗ trong sạch gọi tên là Long Uyên, nước ở đó chẳng chảy, sâu lắng bờ cao. Đến lúc sắp đặt tháp thì nước liền gợn sóng tuôn vọt tràn khắp cả đất liền sông ngòi. Những người lớn tuổi tương truyền rằng: Nước ở đó khô cạn hay tuôn chảy bất thường. Chỉ có việc lành cùng gieo, hẳn liền thấm chảy tuôn tràn.” Sư có những sự cảm ứng đại loại như thế.

Sau, Sư lại rước Xá-lợi đến chùa Thập Thiện ở Hùng Châu. Có người chân bị cà kheo thành cố tật đã mấy mươi năm, nghe Xá-lợi ban đầu mới rước đến, bèn đến lễ sám với tâm rất mực thành khẩn, bỗng nhiên được bình phục trở lại, nhẹ nhàng mạnh khoẻ mà trở về. Lâu sau, gặp lúc nắng hạn bụi bay khắp trời, lại chiêu cảm có đầm nước ngọt, đất như dầu bôi thoa. Mặt trời sáng tỏ trong lành giữa hư không, sống lại đến mấy muôn người.

Đến ngày hai mươi bảy tháng giêng niên hiệu Đại Nghiệp thứ hai (606) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa, thọ năm mươi bảy tuổi. Ban đầu, lúc bệnh trở nặng, Sư bảo các môn nhân Đệ tử rằng: “Tôi nghe trên đôn dong dưới mái nhà, lượn hẹp của người sống, trong quan ngoài quách là vòng ràng buộc của thế giới. Đã khổ luy hình hài bởi gông cùm, cũng ngại mối lo lớn cho người đời. Đâu nên nhận lấy lễ nghĩa ở huyền trần,

bồi chọn đất nhà chôn cất phiền phức. Nên đưa vào rừng an táng, nên noi theo người trước bố thí cho các loài hữu tình!” Đệ tử tôn kính khuôn phép đức hạnh của Sư bèn vâng theo mà thâu nhật Di cốt, xây dựng tháp thờ tại đỉnh núi Chung Nam, tức ngọn núi phía trước chùa Chí tướng, khắc đá xây dựng bia minh nơi chỗ tháp để cúng dường tưởng nhớ.

Từ lúc Sư đến xây dựng chùa, mục đích là chuyên việc hộ trì, ân cần nhiếp hóa tăng luân, mời đón tân khách. Những lúc gặp năm xấu, Sư liền cứu giúp đến nỗi tiếng vang chấn động khắp cả Kinh Ấp v.v...

4- Truyện ngài Thích Biện Nghĩa trụ tại Đạo tràng Nhật Nghiêm ở Tây Kinh:

Thích Biện Nghĩa, họ Mã, người ở xứ Thanh Hà thuộc Bối Châu. Sư xuất gia từ thuở thiếu thời, trầm tĩnh, ít can dự việc đời, chỉ có tâm nông hậu, cùng người giao kết lâu dài mà thường dốc lòng tôn kính, mở lời không hề bưng bưng nóng giận, điềm nhiên lưỡng xa.

Ban đầu, Sư quy hướng nương tựa Luận sư Du, cầu học luận Tạp Tâm, thông suốt Văn nghĩa. Vừa mới hai mươi tuổi, Sư bèn giảng nói, y cứ vào Pháp truyền Đạo, vặn hỏi thắc mắc tung hoành, Sư tùy theo điều hỏi mà phân chiết, không hề để sót đầu mối. Có sa-môn Đàm Tán, là bậc tuệ giải vượt người xưa, danh trọng ở đương thời, nghe Sư khai giảng luận, liền đến thưa hỏi. Qua lại hơn mười phen, không còn tiếp nổi sau, Sư bảo: “Lý nghĩa chưa cùng, sao chẳng luận hết?” Ngài Đàm Tán nói: “Tôi vẫn nạn người hỏi chẳng quá mười câu, mà nay ông đáp thế chưa hết, còn biết trình bày sao?” Từ đó, tiếng tăm Sư vang khắp Lương hà, làm bậc xứng thủ.

Gặp lúc trang sử nhà Tề đã đến tờ cuối cùng, nhà Bắc Chu phá bến Đạo, Sư bèn theo hướng nam đi đến Kiến Nghiệp truyền bá Tiểu luận, thường đời tiếng tăm làm hưng long ở Trung thổ. Đến lúc Vua Dương Đế (Dương Quảng) đời Tùy tìm chọn những bậc Danh đức, thỉnh Sư trụ chùa Nhật Nghiêm. Vì Sư nổi tiếng về nghĩa học bèn đến Quan phụ, hỏi bàn quyết nghị thường ngày chẳng trống pháp tịch. Các bậc tài giỏi đức hạnh ở chốn kinh đô, như sa-môn Đàm Cung, Đạo phủ cho đến Trách Tịnh, v.v... đều cầm vặn dò hỏi, luận bàn thấu cùng sâu ẩn, và đều chưa hết nỗi lòng của Sư. Sau, gặp lúc thời thế tỏ sáng, trong chùa có lắm bậc cao đạt, một chỗ có năm tài giảng thường là Pháp Luân, Sư đều đi quanh khắp, trông xem rõ ràng chiết trung hoàng lý, mà ẩn hình tiêu danh, chẳng mắc lỗi ở trước, hẳn có người ứng cơ rơi lạc đầu mối, đều thông dong từ nhượng, không lý do nào mà thối lui. Sư không muốn

nêu bày lỗi trước, nên các bậc Anh hùng kính Sư chần giúp của Sư, lan tỏa hương thơm lại rất vượt xưa.

Niên hiệu Nhân thọ thứ hai (602) đời Tùy, Tùy Hán Vương Lương Xa đón rước pháp sư Chí Niệm đến thất Hoa Kinh. Vương Lương muốn tự khoe trí thuật của mình, bèn ở tại chùa Thiên lâm mở lập Pháp tập, làm cho các hàng Tam Phụ Cao Triết đều nghỉ giảng mà đồng quy hướng. Sư ở bên cạnh Pháp Diên ấy, nhận hiểu do đó gây ra bèn dùng sự vướng mắc của tình cảm, đối đáp mà hỏi. Trước sau suốt ba ngày đều im lặng chẳng đáp. Pháp sư Chí Niệm ở ngay Pháp tòa bảo rằng: “Với điều hỏi ấy là đồng nghỉ. Xin ở dưới tòa lại hỏi xét chí ấy.” Sư ngầm ẩn dung đức ở đời, ít cùng noi theo. Đến lúc thấy tuệ phát cũng chẳng nghĩ mong, khắp cả kinh kỳ đều lắng thần truyền nghe, sự hiển bày ẩn hối của Sư đều đại loại như thế.

Vua Dương Đế (Dương Quảng, đời Tùy) xưa kia khi ở tại Xuân Cung, Hiến Hậu qua đời, có thỉnh hơn bốn mươi vị Đại đức ở chùa Nhật Nghiêm, đều là những bậc Tông sư ở khắp bốn Biển, đồng một lúc nổi tiếng. Đến lúc Sư đối đáp nêu bày huyền lý, bít lấp tâm trời. Sa-môn Đạo nhạc dạy y theo Câu-xá, đã không thầy thọ học, có hiểu cũng chẳng theo. Hễ có điều nghi bàn luận đều mang theo mà nhận lấy sự quyết trạch. Ngài Đạo Nhạc thường than rằng: “Tôi mở rộng Đối Pháp, chỉ có Sư mở mang được giềng mối!” Nên mọi người đều nghe tốt lành, thấy xứng với Anh đạt.

Bấy giờ, có hơn ba trăm Sa-môn như Trí Cự, Cát Tạng, Tuệ Thừa, v.v... đều là những bậc rất được vua Dương Đế khâm phục kính trọng, đồng ở tại chùa Nhật Nghiêm, thỉnh Sư khai giảng luận Tạp Tâm, đối đãi hoài chẳng đua tranh. Sư bèn đến chỗ ngồi đầu, đã đối cùng tiền đạt, chẳng việc nương gá Văn, nêu lên cương lĩnh nhỏ nhiệm, nêu hợp với thể tánh sâu xa. Bàn nói huyền cực, chẳng hay biết thời gian kéo dài. Sư rất được các bậc Hiền giả ở đương thời mến trọng như thế.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ hai (606) đời Tùy, Sư bị bệnh và thị tịch tại chùa, thọ sáu mươi sáu tuổi, an táng tại phía Nam Kinh Giao, Đông Cung Xá Nhân Trịnh Đĩnh dựng Bia tụng.

Ban đầu, vào niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Sư vâng sắc rước xá-lợi đến chùa Bảo Dung ở Bồn Châu. Khi đã đến châu Trì, bỗng nhiên phát ra ánh sáng. Sa-môn Trí Diệu ở trong chùa ấy trước có chín phần Xá-lợi, sắp vào nơi đạo tràng, số đó lại thêm được mười hai phần, lại phát ra ánh sáng. Tuy theo duyên niệm của mỗi người mà màu sắc tướng trạng chẳng đồng. Xanh, hồng, tím, trắng cùng một lúc

mà thấy khác. Hoặc tôn tượng Phật, hình bóng chư tăng chấp chùng xuất hiện. Trước sau phát ra ánh sáng hơn mặt trời mấy lần. Đến đêm sắp nhập tháp, ở trên nền tháp lại có phát ra hơi khí màu vàng tím cách đất khoảng bốn thước. Sau đêm khóa lấp bằng lại phát ra ánh sáng rực rỡ, trên suốt tới trời sao, dưới khắp cùng thành ấp, khắp cả địa vực đều tôn kính vui mừng đối với điềm lành đó. Đến cuối mùa Xuân niên hiệu Nhân thọ thứ tư (604) đời Tùy, Sư lại vâng sắc đến chùa Lương Tĩnh ở Độc Sơn thuộc Lô Châu xây dựng ngôi tháp. Ban đầu, ngài cùng Quan nhân đi xem xét thiết đặt chỗ đất đi đến núi đó, bỗng nhiên có một con nai lớn từ núi chạy xuống, đến đón rước Sư, tíu tíu qua lại, không tỏ vẻ sợ hãi. Ở đó đã cao thoáng, chỉ có điều là nước ít. Tăng chúng khó đủ dùng. Vốn có một dòng suối do Thiên sư Tăng sán đốt hương cầu nước, nhân đó mà có. Sau khi ngài Tăng Xán thị tịch, suối bèn khô cạn không có nước chảy đã nhiều năm. Đến lúc Sư sắp phủng nghi thiết đặt chỉ trong thời gian một đêm mà suối khô trở lại tuôn chảy. Kể tăng người tục thấy đều vui mừng. Lại đến khi đập phá chùa xây dựng nền móng, có mấy lần phát ra ánh sáng rực rỡ, tướng trạng như lửa, như sấm chớp nhiều quanh đạo tràng, soi chiếu khắp thành quách, quan Dân cùng trông thấy, cùng khen ngợi ít có.

5- Truyện ngài Thích Minh Thuấn trụ tại Đạo tràng Nhật Nghiêm ở Tây Kinh:

Thích Minh Thuấn, họ Trương, người ở xứ Thanh Châu. Thuở thiếu thời, Sư học khắp kinh tịch, riêng nhờ Luận Đại Trí Độ mà nổi tiếng. Sư lần lượt tụng văn hơn sáu mươi quyển, thông hiểu Đại Chỉ, nổi tiếng khắp Hải tân, Tuệ giải liên hoàn, người đời tôn xưng là bậc tài giỏi.

Gặp lúc giáo pháp bị phá diệt, Sư bèn đi về hướng Nam đến Kiến nghiệp, dừng ở bất thường, đi khắp các Pháp tịch. Sau, Sư đến Giang Bắc trụ chùa An lạc. Bấy giờ, hoàng chương Luận phủ tứ ý Kinh Vương. Đại thừa Tiểu thừa đều nhân chuẩn đích. Hưng thanh vì các bậc tài giỏi ở đương thời tham cứu. Bấy giờ, có Sa-môn Biện Thừa là bậc biện kháng ở Hoài Dương, nghĩa kết quy có đầu mối, tìm theo Sư chỉ trích Luận Đại Trí Độ, định chế Tông yếu cương lĩnh, vì thế mà mở mang Đạo Pháp, nhiều năm gá ý, chưa qua trọn đêm mà nằm mộng thấy Minh quan nêu trách Phước nghiệp. Sư đáp rằng: “Giảng Luận Đại Trí Độ và tụng Bốn văn hơn sáu mươi quyển”. Minh Quan bảo: “Giảng giải luống dối, tụng văn thì thật, tuổi thọ chưa hết, nên thả cho trở về”. Đến lúc

thức giặc, Sư bèn nghỉ việc giảng luận, chỉ riêng tu nghiệp. Sau cùng, Sư được Tấn Vương thỉnh vào Kinh Liễn trụ chùa Nhật Nghiêm. Dứt việc truyền Đăng, sau rõ được bản Tâm.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc xây dựng tháp, cử Sư rước Xá-lợi đến chùa Phước Điền ở Kỳ Châu. Chùa đó cách Châu ba dặm về phía Bắc nằm trên núi Cổ Xuy. Những lúc trời mưa mờ tối làm tăng thêm ảnh hưởng của tiếng trống sừng, do đó mà đặt tên như vậy. Có rừng trúc dày đặc, hang hố trùng điệp. Chỉ có một con đường mới có thể thông xe. Chùa ở trong rừng sâu rất nhàn tản. Chùa đó do vua Cao Đế (Tiêu Đạo Thành 479-483) thời Nam Tề xây dựng, ba viện liên tiếp. Trên đỉnh cao nhất có một Viện tên là Thiên Cư, do Sa-môn Pháp Tấn ở Triệu Châu xây dựng. Đứng nhìn xuống mây móc, đến lúc sáng sớm mặt trời ló dạng, trông thấy mây giăng bủa, phía trên có chùa tiên, thường ngày như vậy, thật là cảnh đẹp ít có trên đời! Sư xét thể đường đi ở núi chỉ có nơi ấy mới là xinh đẹp, an trí linh tháp trong Thứ viện. Đào dưới nền móng sâu tới ba thước, gặp một con rắn nhỏ mình dài hơn một thước, có năm mấu. Sư bèn cầu chúc rằng: “Nếu thật là tướng tốt thì hãy dừng trong hộp hương!” Con Rắn bèn y theo lời Sư nói mà bò vào hộp hương, đưa đi chỗ khác, nó liền trở lại, dừng nghỉ được ba ngày thì biến mất. Lại đào sâu thêm một thước, thì có được tảng đá vuông, rộng mỗi bề khoảng một trượng năm, hình sắc như gấm, góc cạnh sắc sảo như do người tạo nên. Sư bèn đặt Hộp đá lên trên, rồi xây tháp.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ hai (606) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Kinh, thọ sáu mươi tuổi. Sư có môn nhân là sa-môn Tuệ Tướng, là người có tiếng tăm, tôn sùng nối tiếp Quyết nghiệp, nổi tiếng khắp xứ Giang Đô.

6- Truyện ngài Thích Trí Phạm trụ tại Đạo tràng Thiên Định ở Tây Kinh:

Thích Trí Phạm, họ Phong, người ở xứ Điều thuộc Bột Hải. Sau, nhân ông nội Sư qua đời nên đến làng Lương thuộc quận Trác. Sư cao vợi tốt đẹp, sớm tỏ ngộ biết chỗ quy tín.

Năm mười hai tuổi, Sư đến Quận Hà Gian, gặp Thiên sư Linh Giản. Liền xin xuất gia, sau đó đến Nghiệp Đô thọ học, Sư nương văn các Bộ Luận Đại Trí Độ, Kinh Thập Địa v.v... đồng thời thương mến ý vị mở rộng yếu Chỉ, ôn tập chân tánh, ảnh hưởng sự tài giỏi vượt xa. Đồng bạn đều quy tông. Năm hai mươi ba tuổi, Sư đích thân đảm nhận

việc dẫn dạy của thầy, sau mang roi trượng đi khắp Hòa hàm, hoàng hóa khắp cả kinh nường, liên tiếp trải qua hai năm làm lợi ích rộng nhiều. Sư nhóm chúng đến pháp điền như sao giăng đất vua.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười sáu (596) đời Tùy, Thiên Thủy và Phù Phong là hai cảnh đẹp. Mọi người nghe được Đạo nghiệp của Sư, bèn đua nhau đến cầu thỉnh. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) bèn ban sắc chấp thuận. Sư ở thuyền xuy hư, nghỉ giúp Thiên Thủy, hoàng dưng Đạo hóa, mọi người kính tin theo về như gió. Đến cuối niên hiệu Nhân Thọ (605) đời Tùy, Sư trở lại Ngụy Quyết, giảng truyền Chánh Pháp, đồ chúng nường theo đông như mây nhóm. Sư khai mở tuyển, phân tích văn từ đều truyền nghĩa chỉ. Tháng ba năm đó, Sư vâng sắc đến xây tháp tại chùa Bảo Hương ở Đinh Châu ở phía Đông tháp nước chảy có được tám con rùa có lông, trong ao ở phía Đông nền chùa lại có được tám con, đều có lớn nhỏ tương tự ở thế gian không khác, chỉ có lông màu xanh lục dài độ ba phân, trên lưng lông mọc bày ngang năm hàng, có ánh sáng khác lạ, đưa ra khỏi nước thì chỉ thấy mai vỏ màu lục, thả vào nước thì lông mọc rõ ràng thẳng đứng. Sư bèn viết kệ đầy đủ để tấu trình. Do đó truyền thật khắp Sở đô, biết tên Đế quyết. Đến niên hiệu Đại nghiệp thứ năm (609) đời Tùy. Sư lại vâng chiếu đến trụ chùa Thiên Định, lắng duyên nhiếp tưởng, không chín (613) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi lăm tuổi.

Trước lúc thị tịch Sư căn dặn thí thân. Môn nhân Đệ tử vâng theo Di Chỉ bèn đưa Nhục thân Sư đến núi Chung Nam. Sau đó thân nhật di cốt còn lại tôn trí vào Tháp. Phía ngoài có khắc Minh Văn, đến nay vẫn còn truyền.

7- Truyện ngài Thích Tĩnh Uyên trụ tại Đạo tràng Chí tướng, ở núi Chung Nam:

Thích Tĩnh Uyên, họ Triệu, người ở xứ Võ Công thuộc Kinh Triệu. Gia đình giàu sang, mũ lọng tương thừa. Nhàm chán sự phù giả ấy, Sư mong nghe được sự trong trắng tinh thuần.

Năm mười ba tuổi, Sư xuất gia. Đạo nghiệp rộng bày, định tuệ vang xa. Gặp lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu phá diệt Phật pháp nhưng giới đức Sư vẫn không hủy phạm. Bùn ngùi cho ánh sáng mặt trời Phật bị đấm chìm, Sư nghĩ phải móc mắt liệt bày, liền móc mắt mà phụng dưỡng, dùng để tiêu biểu ánh sáng của đèn Tuệ. Nhưng u tình cảm thông bèn toại quả tâm nguyện. Đến lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy trùng hưng chánh pháp, Sư liền vào

hàng xuất gia, tuệ nghiệp xa khắp, Văn trì chẳng đồng loại, từ các Bộ Kinh Hoa Nghiêm, Địa Trì, Niết-bàn, Thập Địa, v.v... Sư đều chỉ nghe một lần thì không rơi lạc, qua tai liền giảng nói. Đã giải quyết các mối nghi ngờ, người đương thời đều thán phục. Sư đi luôn nhìn thẳng, động tĩnh đều an, đứng thì an thiền duyên vào các Pháp Chỉ Quán, chỉ mang theo mình một chiếc bình bát và Y Bá nạp, hành tập từ đầu đến cuối, thường ngồi ở chung với núi báo nghiêng bèn ngừng, hiềm nghi có liên quan thì buộc chân chẳng đi. Các nơi chùa Ni và phố chợ ồn ào, từ trước đến giờ Sư chưa từng bước đến. Đó thật là tiết tháo nhắc thức cho hàng hậu côn, cố gắng lắng trong ở thời mạt Pháp. Thêm nữa, các điều đúng sai, phải quấy Sư không để lòng. Cúng cấp chư tăng, tự thân Sư làm khuôn phép trước cho mọi người.

Vì, Pháp Sư Linh Dự, đang hoằng hóa tại Đông Hạ, nên Sư bèn theo mà học hỏi, Sư ở trong Pháp đường từ tối đến sáng, thân mặc vải thô, gá cảnh cuối pháp tòa. Mắt không tìm theo Văn, miệng không bàn luận nghĩa. Các môn nhân khác cho rằng Sư thuộc hàng sơ cơ, chỉ mở đầu chưa đến tuổi. Ngài Linh Dự ngồi nơi pháp tòa qua vài lần thấy Sư có khí độ khác thường mà chưa hẳn là tuệ giải, bèn bảo Sư vào thất để cùng luận bàn danh lý, Thần khí Sư như sấm sét, đầu mối tư tưởng bén nhạy, đối đáp như vang theo tiếng, thân tâm tự sắt đá. Ngài Linh Dự nhân đó nên ngợi khen tán thưởng, nhận làm học trò của mình, và chẳng để nghỉ chung phòng với chúng. Cùng nhau luận Đạo nói nghĩa trọn ngày thâu đêm. Cả hai tâm tình cùng chóng được u thâm. Sư cho rằng: “Lý lưu xuất, không mong lại chảy vào thần phủ, xem rộng Tập lớn, toàn không có gì đáng bắt chước!” Sư bèn trở lại nơi chỗ ngài Linh Dự mà trình bày đầy đủ tánh dục của mình. Sau đó, Sư sửa sang tiết tháo quan nhượng, lắng vết ở núi Chung Nam, lập chùa chiền, nhóm họp chúng, phân thời giảng đạo. Các hàng Tam phụ lệnh đạt đều quy hướng rất đông. Nơi đó tức là chùa Chí Tướng ngày nay. Sau, Ngài Linh Dự vâng sắc thỉnh vào triều, mới có những lúc rảnh rỗi bèn đến chùa Sư, mừng vui đặc ý, nghiêng che mấy lần sửa đổi. Lại nhân sự tín của vua nên dời đường núi. Chùa vốn ở chỗ xa xôi hiểm trở lại gần nơi hang sông. Cùng mời pháp chúng chưa ngày nào đi xa. Ngài Linh Dự chiêm đoán tại sườn núi phía Tây Nam là nơi phước địa, chẳng những chúng đến núi nối nhau mà khiến mọi sự cúng cấp cũng không thiếu. Sư bèn vâng theo, nay chùa đông đúc như thế đó. Từ đó đến nay trải qua hơn năm mươi năm, tuy có những năm hung xấu, mà mọi người đến đến chùa cúng dường vẫn không dứt. Như chỗ chỉ bày của ngài Linh Dự đó

cũng là sự sáng suốt dự kiến.

Sau, vì bị bệnh nên Sư thị tịch tại chùa Chí Tướng, thọ sáu mươi tám tuổi. Lúc đó nhằm ngày mồng tám tháng tư niên hiệu Đại nghiệp thứ bảy (611) đời Tùy. Ban đầu, Sư thọ trì bình bát bằng gốm, từ lúc nhận thọ mãi đến lúc tịch, đi ở thường mang theo bên mình không hề lìa bỏ. Trước lúc thị tịch mười ngày, do tẩy rửa nên bình bát rơi vỡ thành năm mảnh. Sư cầm lấy trên tay mà than rằng: “Bình bát vốn là mạng sống của ta, mạng duyên đã rơi lạc thì năm ấm hẳn tan rã!” Và sau đó mà Sư liền bị bệnh. Đó cũng là tướng diệt hiện trước, sau bèn phù hợp. Đến lúc Sư xả bác thọ mạng. Tiếng chuông tự nhiên hết kêu, ba năm sau mới trở lại như cũ. Đó đều do đức cảm, u hiển hiện bày điềm ứng, tất cả đều đại loại như thế.

Sư có đệ tử là Sa-môn Pháp Lâm, sớm phụng thờ di tích, sùng kính đầu mối huy hoàng, bèn ngay nơi an táng Di cốt Sư dựng một ngôi tháp tôn thờ Xá-lợi Phật, để làm bến bờ Linh Đức, dựng lập bia minh để nói lên ý chí của Sư.

8- Truyện ngài Thích Đạo Tông trụ tại chùa Thắng Quang ở Kinh Đô:

Thích Đạo Tông, họ Tôn, người ở xứ Tức Mặc thuộc Lai Châu. Thưở thiếu thời, Sư theo Pháp sư Đạo Tráng chùa Đạo Tạng, học thông các kinh luận. Ngài Đạo Tráng là bậc minh đạt thức tuệ, nêu cử khắp sông biển, tiếng tăm vang khắp Nam Bắc. Sư định lập các nghĩa: bốn thứ A-lại-da, Văn Huân, Giải Thánh, Phật Quả, v.v... rộng như ở Biệt Truyện. Sư thọ học các kinh luận như; Luận Đại Trí Độ, Kinh Thập Địa, Kinh Địa Trì, Luận Thành Thật, Tỳ-đàm v.v... Đại thừa, Tiểu thừa thảy đều thông hiểu.

Về sau, Sư trụ tại chùa Du Đức ở trong Châu. Chùa đó do chính Sư xây dựng, phòng nhà vườn viện đều là kinh luận. Thanh danh Sư oai hùng vang xa, các hàng tăng tục đều kính ngưỡng. Đến lúc Sư giảng Luận Đại Trí Độ thì trời rải các thứ hoa như mưa vòng quanh giảng đường, bay vào trong cửa phòng, nhưng chẳng rơi tới đất, hồi lâu lại bay đi, cả chúng đều kinh lạ, ngợi khen điềm lành ít có! Sư tuy tận mắt thấy từ đầu nhưng không hề lấy làm lạ, vẫn giảng nói như lúc đầu. Sau chẳng kể lại, mọi người bấy giờ càng kính Phục độ lượng Sư cao xa. Sau, Sư lại đến ở chùa Tuệ Nhật. Các vị tài giỏi đồng nhóm họp, đều cùng suy tôn. Sư thường giảng Luận Thành Thật, mở mang cho hàng hậu học. Vua Ngụy Trịnh rất tôn trọng kính ngưỡng, lễ hỏi rất trọng hậu nhiều. Thượng Thanh, Đông

Hạ lại kính trọng Đức hạnh trong sạch của Sư, bèn thỉnh Sư vào Tây Kinh, trụ chùa Thắng Quang. Lại mời vào cung Hoàng Nghĩa, suốt đêm Pháp Tập, các hậu phi cùng trăm Quan đều theo nép nghe. Sư giảng bày mới lạ, chấn phát đạo tâm mọi người ở đương thời. Từ đó, Sư đi khắp nơi, tùy phương giảng giải không đổi thay. Tuy không thành tựu sự cứu giúp mà người học đều suy tôn.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ sáu (623) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Thắng Quang, thọ sáu mươi một tuổi. Tần Phủ ban giáo tặng hai trăm vật, an táng tại đỉnh núi phía nam chùa Chí Tướng thuộc núi Chung Nam.

9- Truyện ngài Thích Phổ Khoáng trụ tại chùa Từ Môn ở Kinh Đô:

Thích Phổ Khoáng, họ Phàn, người ở quận Phù Phong. Năm bảy tuổi, Sư xuất gia, nương tựa Thiên Sư Chỉ Viên thọ Sa-di. Ở núi, Sư dùng bánh bột lá Bách suốt năm năm, đọc tụng kinh giáo, ngày đêm liên tiếp. Đến lúc tấn đàn thọ giới cụ túc, Sư bèn thực hành hạnh Đầu-đà, đi khất thực trong nhân gian, gá nghỉ nơi rừng hoang gò mả hơn hai mươi năm, bền bỉ nghiêm nghị, cao vợ khác thường. Nói bàn đối đáp nhanh nhẹn, tự nhiên cao trội.

Sau, Sư vào xóm làng thôn thập Di Văn, nhân qua các giảng tịch nghe giảng các luận khác, vốn chưa khai giải, mà nghe thì liền hiển chương, Sư bèn dặt tâm khúc, bày luận cao tòa, mở lời mới lạ, khó giải thích, mọi người đều ngợi khen Sư tài giỏi chẳng theo khuôn rập trước. Sư từng cùng vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu đối luận mở mang Tam Bảo, phân vạch lý, khai mở thần, có tiếng tăm ở triều đình. Phật pháp được hưng thịnh, chưa nhọc nghe hiểu, Sư bèn đến Phàn xuyên thực hành hạnh Đầu-đà tự tĩnh lặng, đêm nghỉ nơi rừng lạnh. Có người tìm đòi lấy đầu Sư, Sư liền cầm dao sắp tự giết, người xin bèn thôi. Lại theo đòi lấy lỗ tai, Sư liền chặt mà ban cho. Trong niên hiệu Kiến Đức (572-578) thời Bắc Chu, Vua Võ Đế sắp phá hoại Phật giáo, Đạo giáo, tại Quang Trung năm chúng tao loạn chẳng an, Sư nghe thế, bèn tự thân đi đến nơi sân Vua rộng trình bày chí lý. Vua Võ Đế không nghe nhận lời đó, Sư liền lui về mà riêng tu nghiệp. Lúc bấy giờ, chùa tháp đều bị phá hoại, Sư gieo mạng chẳng theo. Xa đến thì hết sức chẳng thông, gần theo thì tâm khinh nhẹ dễ đổi. Sư bèn nhân thế tục, lẳng lặng nghỉ ở trong. Vua Võ Đế tuy phá diệt Phật giáo và Đạo giáo nhưng ý vẫn còn lưu giữ Lý thuật, bèn lại thiết lập Thông Đạo

Quán có ba trăm Học sĩ cùng ở, và lựa chọn những bậc tài giỏi đặc biệt trong Phật giáo và Đạo giáo để sung vào. Vì Sư lý nghĩa tinh thông, người đương thời đều cùng đề cử. Sư bèn nhậm ở Học chánh phán đoán thời cuối làm các sinh tiên. Không bao lâu phá hủy Quán, Thính Sĩ tùy tài năng mà ban nhậm. Sư sức lực yếu tự thân gắng gỏi, lương khô hạt gạo không giao, bèn cậy vào Lục Đăng Dung, lại nhậm làm việc ở Kỳ Sơn, vâng theo lời dạy xưa, chẳng tham tình nhuộm áo, nên dùng giạ để trang sức, kiêu ngạo đến chốn Quan, cạo tóc để râu, đầu đội khăn lụa, dây thao ở dưới cằm, dùng làm khuôn phép thường. Có việc thì phán đoán, bút tuôn như nước chảy, chuyên việc liên can, nhiều người ủng hộ. Sư bèn bảo: “Ta vốn là Đạo nhân, chẳng rảnh để theo giềng mối thế tục.” Khắp trên dưới nước Bắc Chu mọi người đều gượng theo nghi độ đó. Thấy Sư thông hiểu, đáng làm người xử thế.

Khi nhà Tùy sắp phục hưng, Bồ-tát tăng lập, tướng như triều phục chẳng đồng cắt tóc, đặt một trăm hai mươi quan viên, đều bao gồm theo pháp trước, rằng sừng chẳng nhuộm trần tục. Sư thức đạt tỏ ngộ vang vọng đứng đầu đương thời, không bao lâu lại phế bỏ. Khi Đại pháp xướng hiển thì đều dự vào hàng xuất gia đồng trụ ở chùa Hưng Thiện. Sư là người quả cảm, có tài hùng mẫn, luôn đứng trước chúng. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy đem quả chuông của Thông Đạo Quán ban tặng cho Huyền Đô Quán. Cả dòng tộc Hoàng Cân cùng dời lại sắp đến chỗ trước. Sư dẫn pháp thuộc đến cùng tranh luận, lập lý đã bình đẳng bèn lại cắt Tai. Các Đạo Sĩ trông thấy Đạo phong của Sư bèn tự giải tán, mới đem treo ở Quốc Tự (chùa nhà nước) tiếng tăm vang khắp trăm dặm. Tùy Cao Yên Giá, chùa Thiên Định đông đúc hưng thịnh. Vua bèn thỉnh Sư trụ ở đó. Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, Sư lại lên cương nhậm. Đến lúc nhà Tiền Đường mở vận, Sư vâng phụng chiếu thư, mang chứa phương du, hằng ngày riêng cùng thấy nhau.

Đến tháng ba niên hiệu Võ Đức thứ ba (620) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Từ Môn, thọ bảy mươi ba tuổi. Sư căn dặn xả bỏ nhục thân nơi rừng núi, chẳng cần phải xây tháp. Đệ tử Sư nhật nhanh di cốt còn lại, xây tháp thờ tại đỉnh Long Trì ở Chung Nam, dựng lập bia minh để tán dương Đức hạnh của Sư, đến nay hiện còn.

10- Truyện ngài Thích Bảo Cung trụ tại Đại Trang Nghiêm ở Kinh Đô:

Thích Bảo Cung, họ Thôi, người ở xứ Thanh Châu. Vào khoảng

niên hiệu Vĩnh Gia (307-313) đời Tây Tấn mới dời đến ở Kiến Nghiệp. Cha của Sư là Siêu Đạo làm thứ sử Bồn Châu.

Năm mười một tuổi, Sư đến chỗ Pháp Sư Quỳnh, Pháp sư muốn thử thần thái của Sư, bèn đem Kinh Quán Âm mà bảo đọc tụng. Chỉ một thời trong đêm đầu, trong giây lát liền độ. Pháp Sư Quỳnh tự bảo nghe Sư tụng đọc như đã qua thời gian khoảng một tháng, và liền độ cho Sư xuất gia. Đến lúc Pháp Sư Quỳnh thị tịch, Sư mộng thấy có hai con rắn từ trong chân thầy bò ra mà bò vào chân Sư, bỗng nhiên Sư thức giấc, tự cảm thấy tâm chí mở rộng thanh nhã, thân tướng nhẹ nhàng vui vẻ. Liền đến chỗ pháp sư Triệt trụ ở chùa Khai Thiện, nghe học Luận Thành thật, nghĩa sơ rất nhỏ nhiệm tướng trạng như đầu con ruồi, một lần nhận lãnh tám trang chẳng để sót một chữ. Đại chúng ngang bằng có năm trăm vị đều suy tôn Sư ở đầu.

Sau khi thọ giới cụ túc, Sư lại nương theo Thiên sư Tuệ Hiếu tập học định nghiệp, rõ sâu các pháp Quán hạnh, có lần được ấn chứng. Sư lại nghe Giảng Luận Thành Thật, cho là có sự tỏ ngộ khác, lại cầu sự tỏ sáng trở thành có nghi ngại. Sư bèn đem hỏi các bậc giảng tượng đều không thông hiểu. Gặp được Tung Công người nước Cao Xương khai giảng các Kinh Địa Trì, Thập Địa, nhân đó Sư theo thọ học, chưa tròn một năm mà Đại nghĩa đều tỏ sáng. Đối với các mối nghi trước lại xoá bỏ được một nửa. Sư bèn hành trì y cứ theo Kinh Địa Trì, riêng giảng Kinh Pháp Hoa, không dẫn Quy Tông, đạt được áo chỉ.

Đầu niên hiệu Chí Đức (583) đời Trần, có Thiên sư Tuệ Bố ở Nhiếp Sơn, từ Bắc Nghiệp mới trở lại, muốn khai mở Thiên Phủ, khổ công thỉnh mời, kiến lập Đồ chúng thanh tịnh. Sư bèn tiếp ứng tiếng tăm của ngài Tuệ Bố, tiện đó đảm nhận, dựng lập cương vị, dẫn dắt Thiên tông, nên được đạo phong cả chùa Thê Hà chẳng rời lạc, mãi đến nay vẫn tán dương ngợi khen không ngớt. Sư lại theo ngài Tuệ Bố nghe giảng, thâm thập Tam Luận, khéo hợp huyền ngôn, đối với các điều nghi trước thấy đều tiêu tan. Đến lúc ngài Tuệ Bố thị tịch, tất cả đồ chúng đều giao phó cho Sư, Sư đã kế thừa di chúc bèn dẫn dắt như mới đầu. Đức hạnh Sư vốn tôn nghiêm, mọi người trông thấy đều kính sợ, sửa sang việc tăng, công đức hộ trì.

Đến cuối niên hiệu Nhân thọ (605) đời Tùy, Hiến Hậu qua đời. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) xây dựng chùa Phật, rất cần có người trông coi. Mọi người đều theo tiếng thật, dâng trạng văn tấu trình. Vua bèn ban sắc thỉnh Sư vào làm chủ đạo tràng Thiên Định. Sư làm Cương chánh Tăng Cang trong sáng chính túc nổi tiếng. Đến đời Tùy, Sư

thường làm chức vụ đó. Tề Vương Giản ở đời Tùy kính phụng Đạo đức của Sư bèn đánh lễ thỉnh cầu làm thầy. Sau khi đã thọ giới, liền dâng cúng năm trăm bộ Pháp Y, nhưng Sư không nhận lấy một bộ, mà cúng dường ban rải khắp cùng.

Đến đầu thời Tiền Đường (618), Sư hướng tâm đến chốn suối đá, bèn trụ tại chùa Ngộ Chân ở Lam Điền, lánh từ quan vị, gá nghỉ nơi rừng núi, sắp xếp việc chung cùng, việc ngự chúng nhiếp trì, tiếng tăm ngời sáng đến tận kinh đô. Niên hiệu Võ Đức thứ hai (619) thời Tiền Đường, Vua Cao Tổ (Lý Uyên) ban sắc thỉnh Sư trở lại y như cũ để coi sóc, và bèn đổi tên chùa Thiên Định thành chùa Đại Trang Nghiêm. Đến lúc đề cử mười Đức để thống nhiếp Tăng Ni, Chư Tăng khắp kinh liền đều khiếp sợ sự oai nghiêm của Sư nên chẳng dám nói gì. Vua Cao Tổ nghe thế bèn bảo rằng: “Thiền sư Bảo Cung chí hạnh trong sạch đáng làm cương thống, riêng Trẫm nêu cử Ngài.” Đã làm ngôi vị đó mà khắp cả chư tăng không ai dám cùng đối mặt, Sư bèn ở bên hữu của Đại đức, chuyên gánh vác việc phán đoán, với tâm bình đẳng khiến cho chúng không oán.

Đến ngày mười chín tháng mười hai niên hiệu Võ Đức thứ tư (621) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Đại Trang Nghiêm, thọ tám mươi tuổi.

Ban đầu, từ thuở nhỏ Sư xuất gia nhập Đạo, chí lực vẫn luôn thường, chẳng vì lợi mà nghiêng ngã, chẳng vì oai mà lay động, tinh thuần nghiêm nghị, rất có mưu lớn. Sư từng đi qua đường núi, Hồ nép mình ở trước đường, theo bên cạnh thẳng qua, không đoái hoài đến. Trong khoảng niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) đời Tùy, có bọn kiêu cảm khởi nghịch, trong tăng chúng có người cạnh tranh, nói cùng đồng mưu. Khi đó, Sư đang ở trong giảng đường lên Pháp tòa dựng lập nghĩa, binh lính ập đến vây quanh chặt cả sân thêm. Cả chúng đều kinh sợ định giải tán khỏi chỗ ngồi. Sư bảo rằng: “Tự xét không việc gì, hãy đợi luận bàn xong sẽ tự rõ đó.” Sư vẫn thông dong bàn nói, sắc mặt không đổi khác. Những điều như thế thật có rất nhiều, ở đây lược nêu một vài điều. Do đạo phong đó mà các vua của ba triều đại Trần, Tùy, Đường đều kính trọng Sư. Sau Sư thị tịch, được an táng tại phía Tây Nam của Kinh Giao. Văn bia do Bí thư giám Tiêu Đức Ngôn thời tiền Đường soạn.

11- Truyện ngài Thích Pháp Khản trụ tại chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô:

Thích Pháp Khản, họ Trịnh, người ở xứ Vinh Dương. Xuất gia từ

thở nhỏ, chí lực vững bền tỏ sáng, hiểu lý Phương Quảng, thường lưu tâm phủ. Nghe ở Linh nam thuộc Thái Sơn hành Đồ thanh túc, điềm lành thường bày, xa nêu Vinh đàm nên năm chưa đến hai mươi tuổi, Sư bèn đến theo đó. Gặp được chúng ở đó tâm Sư tự mừng vui vận tốt. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư cố gắng mở mang khuôn phép, dự ở thanh huấn, chuyên cơ bước lên. Sau Sư lại đi khắp các trường giảng để trông xem các tông, hề nghe được gì liền ghi chép, thường có thấu đạt trước.

Có Pháp Sư Tĩnh Uyên là bậc truyền bá đạo pháp khắp cùng ở đương thời. Các vị tài giỏi thầy đều suy tôn, nương tựa. Ngài Tĩnh Uyên thông hiểu Kinh Thập Địa, rất thấu suốt Kinh Địa Trì. Sư bèn đến theo đó, nghe giải thích, đều hiểu khắp chánh lý, vâng tu theo Chương Thái. Gặp lúc nhà Tề không tiếp nối được ngôi vị. Nhà Bắc Chu phá hủy Đạo pháp, Sư bèn đi về hướng nam đi đến Giang Âm, nương gá ở Kiến Nghiệp, nghe học thâm thập mới lạ, soi xét giữ vững thần tâm, nhiếp nghĩ duyên cầu, phỏng các cây Tất. Sau khi nhà Trần bình trị, Sư trở lại phương Bắc trụ tại chùa An Lạc ở Giang Đô. Có Cư sĩ Tào Tỳ thông hiểu Nhiếp Luận, tiếp thừa từ ngài Chân Đế. Sư bèn dốc cả ba nghiệp quy theo Văn Nghĩa thỉnh quyết, tự mở bày thắng tướng, lấp những điều đã nghe. Tào Tỳ tự nghe thế, sợ có lỗi sai sót. Sư thường từ nghĩa ẩn phát minh phô bày đã xứng thỏa đáng. Tào Tỳ đều chấp tay ngợi khen.

Vua Dương Đế (Dương Quảng) Tấn phiên đời Tùy, xưa trấn tại Dương Việt, tìm mời các bậc Danh khí đến trụ ở chùa Nhật Nghiêm. Vì Sư đạo hạnh thấm khắp giang nhục, sắp muốn anh hoa Kinh Bộ mới thỉnh mời làm cho hưng thịnh. Khi đã đến Bồn tự, rất nồng hậu cúng dường kính lễ, thịnh nghiệp trùm khắp, gá tâm nơi Chỉ Quán. Bấy giờ, lại khai đạo giảng nói Duy thức, hưởng vị Đức lễ sám. Tốt lành càng biếng học, Sư chóng xoay chuyển tâm người.

Niên hiệu Nhân thọ thứ hai (602) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) cảm được điềm lành, bèn thỉnh các bậc Danh tăng, dùng thêm Tượng hóa, ban sắc cử Sư đến Tuyên Châu an trí xá-lợi. Sư bèn vâng sắc đến đó, thống nhiếp đầu mối phong cách nước nhà, đào luyện dẫn dắt kẻ tăng người tục. Mọi người sửa đổi nhờ năng lực hoàng hóa, quay về chánh pháp số lượng rất đông. Ban đầu, vào tháng giêng, ngày Vua ban sắc thì tại chỗ đất của Quan Thương trong thành ở Tuyên Châu ban đèn phát ra ánh sáng các màu sắc hồng đỏ đều tỏa phát, sáng rực cao tới năm trượng, rộng khoảng một trượng. Quân nhân, Quân phòng hơn ngàn người đồng một lúc chạy đến, cho là lửa cháy, nhưng đến Thương

sở thì thật là ánh sáng. Có người già lớn tuổi truyền rằng: “Thượng đây vốn là chùa cũ Vĩnh An”. Hôm sau, chùa Vĩnh An ngày nay phỏng nơi thiết đặt tháp lại phát ra ánh sáng như trước không khác. Đại chúng đều không hiểu việc ấy. Đến tháng ba, Sư đến Tuyên Châu, tạm dừng ở Công Quán. Xét đến chỗ thích hợp đặt để tất cả đều ảm thấp, trên cả một châu không nơi nào hơn Vĩnh An. Đã dự tỏa phát ra ánh sáng đời nhân xây dựng tháp. Sư lại bảo đào chỗ phát ra ánh sáng của Thượng, quả nhiên có được một hộp đá, giống như hình dạng Cổ Quan tài, chẳng cần phải sửa tạo, nhân đó mà tôn trí Xá-lợi. Lại chiêu cảm rải mưa cam lộ ngưng đọng trên cành cây, có mùi thơm ngọt khác lạ ở đời. Lại cảm một nhánh cỏ chi mầu tím mọc trên vách tường của nhà tôn trí Xá-lợi, có chín cành cuộn khúc ánh sáng sắc mầu khác lạ. Sư bèn bảo dâng Biểu Văn tấu trình.

Đến lúc xây dựng tháp báu ở Lê Châu. Vua Văn Đế lại ban sắc cử Sư đến. Lúc mới đến Sư dừng ở tại quán, nghe có tiếng nhạc trời vang vọng giữa hư không, tụ hội rất nhiều inh ỏi cả tai. Kẻ Tăng người tục đều vui mừng. Lại cảm có mùi thơm lạ xông khắp ngào ngạt. Đào đất sâu độ bốn thước, có được viên ngói xưa, với lời minh đề rằng: “Ngàn thu muôn năm an vui chưa ương!” Sư vâng phụng Phước, chóng hoằng dương Đạo nghiệp, sớm phát điềm lành, đó là thần thông, đâu chỉ có việc người. Sau khi trở về Kinh ấp, ngài giảng trao tương tục.

Đến lúc nhà (Tiền) Đường mở vận lên ngôi (618) thì còn có tâm hộ pháp. Thiết đặt mười vị Đại đức để làm thanh tịnh triều Kỳ. Bảy giờ, nhóm họp tăng chúng, nêu danh theo thứ lớp, Sư nghi chỉ nghiêm túc, trội vượt chẳng nghĩ bàn. Đức hạnh đã xứng đáng cho Chúng Tăng trọng vọng, Sư bèn vì đảm nhiệm đó. Sư chăm chăm khéo dẫn dụ, mở mang khai ngộ rất nhiều. Về sau, Sư lại dời đến trụ chùa Hưng Thiện, luôn giảng đạo không đổi thay. Đến niên hiệu Võ Đức thứ sáu (623) thời Tiền Đường, vào tháng mười một, Sư thị tịch tại Chùa, thọ bảy mươi ba tuổi. An táng trong hang trống Mã Đầu ở Đông Giao.

Sư chuyên học Nhiếp Luận, theo chân nương gần, bày vạch ý chỉ sâu mầu, sáng rõ điều nêu đến, giải nghĩa thích Danh, sự thấy biết xứng thật trong suốt. Mọi người đến nghe thấy đều vui mừng chỉ hướng ấy. Có Pháp Sư Đạo Phủ là bậc tài giỏi đỉnh ngộ nêu đầu, khắp kinh thành đều quý trọng. Vốn ở chùa Tổng Trì, là bậc tông sư Dị giải, dùng thông cả Nhiếp Luận, nhưng đến nơi Pháp tịch của Sư, qua vài lần gõ khẩu trùng quan, bèn buộc tâm đánh lễ, thừa hưởng âm huấn. Từ đó, xả bỏ bồn tập bèn quy hướng Chân Đế. Vả lại, hình tướng Sư sáng suốt oai

vệ, rõ ràng trang nghiêm hùng vĩ, chiết quanh cúi ngưỡng đều phù hợp với Thánh xưa. Do đó, trong triều đại nhà Tùy, Đức lớn hạnh nghiệp có khác. Còn như dung mạo vận phục của Sư rất dễ nhìn, nên dẫn mạng thỉnh mời, thấy đều lấy Sư làm người nói đầu. Oai nghi của Sư được lựa chọn đại loại như thế. Lại nữa, thừa thiếu thời, Sư uống tử thạch, nên lúc về già bị bệnh khổ. Thầy thuốc xem bịnh bảo rằng: “Cần phải ăn thịt heo để kiểm chế thể mạnh của thuốc!” Nhưng Sư mặc tình bệnh tật chỉ nhận lấy cái chết. Sư kính thành tôn trọng mọi vật lại như thế ấy. Ban đầu, Sư lập Danh, lập người an phẩm. Sau đến nội Đạo tràng Tuệ Nhật gặp sa-môn Trí Khiên bảo rằng: “Khản là chữ, miệng người làm tin, lại theo chữ xuyên, lời tin đích thực.” Nhân đó bèn theo.

12- Truyện ngài Thích Cát Tạng trụ tại chùa Diên Hưng ở Kinh Đô:

Thích Cát Tạng, họ An, vốn người nước An-túc. Đời ông nội Sư vì lánh thù địch nên dời đến ở Nam Hải, nhân đó bèn dựng nhà ở giữa xứ Giao Quảng. Sau lại dời đến ở Kim Lăng mới sinh ra Sư. Lúc còn hài nhi, cha của Sư dẫn đến ra mắt Pháp sư Chân Đế và xin đặt cho tên gọi. Ngài Chân Đế hỏi về hoài bão, bèn đặt tên là Cát Tạng. Nhân đó bèn gọi tên Sư là vậy.

Gia đình ngài vốn trải qua nhiều đời kính thờ Phật pháp không tôn thờ đạo khác. Về sau, cha của Sư cũng xuất gia tên là Đạo Lượng, siêng năng tự vươn lên, khổ tiết ít ai bằng, chỉ đi khát thực và nghe pháp lấy làm việc chính. Thường ngày mang bình bát đi khát thực, sắp trở về đi chân không vào Tháp, hiến dâng khắp các Tôn tượng Phật, sau đó phân thí, rồi mới ăn. Cho đến khắc nhỏ, tiện lợi đều trước đưa tay hứng lấy ban thí cho chúng sinh ứng thực, sau mới vất bỏ đi xa. Với hạnh dốc lòng cần trọng ban đầu như thế, giữ không để mất. Ngài Đạo Lượng thường dẫn Sư đến chỗ Pháp Sư Đạo Lăng ở chùa Hưng Hoàng giảng Pháp. Sư nghe nhận tỏ ngộ như Thiên Chân.

Năm bảy tuổi, Sư đến chỗ Pháp sư Đạo Lăng xin xuất gia, tham cứu vượt đến huyền du. Ngày một vượt đến chỗ sâu mầu. Những điều Sư thưa hỏi khéo đạt chỉ quy, luận nạn bày riêng cao hơn người thường. Văn từ tuôn nhã dồi dào, mở rộng nhiều kỳ đặc. Đến năm mười chín tuổi, Sư ở trước chúng đáp thuật, biện luận bén nhạy, thù tiếp khéo léo, thông thả tốt lành. Tiếng tăm vang khắp kinh ấp. Sáng ngời trong học chúng. Sau khi thọ giới cụ túc, tiếng tăm Sư càng vang vọng lên cao. Trần Quế Dương Vương kính trọng phong thái của Sư, nghĩa chỉ hòa

nhã, chuộng vị vâng phụng. Đến lúc nhà Tùy chế định Bách Việt, ngài đến Tần Vọng, dừng ở Bạc gia Tường, như thường diễn giảng. Khắp Võ Huyện người đông như chợ. Hồi đạo có hơn ngàn vị. Chí Sư luôn ở việc truyền giảng, bánh xe chánh pháp vẫn thường xoay.

Cuối niên hiệu Khai Hoàng (601) đời Tùy, khi đó Dương Đế (Dương quảng) đang ở tại Tấn Phiền, thiết lập bốn đạo tràng, do Quốc ty cung cấp. Khắp hai Bộ Thích Lý mỗi nơi đều sưu tầm mời thỉnh. Cho rằng Sư là bậc danh giải nổi tiếng, bèn mời vào chùa Tuệ Nhật, kính lễ thờ phụng, ưu thưởng khác người thường. Dương Đế ở tại Kinh đô lại lập chùa Nhật Nghiêm, riêng bảo thỉnh Sư sang đó ở, muốn cho đạo pháp phát triển khắp Trung nguyên, hạnh cao lan tỏa tận Đế những. Ban đầu, Sư đã đến kinh đô. Kẻ tăng người tục đua nhau tìm đến. Nhìn thấy tướng Sư ài thì cao ráo khác mọi người. Nghe tiếng Sư nói bàn dường chuông trống vang động. Ngài bèn vân du khắp các trường giảng nổi tiếng, rộng chỉ bày ngôn tịch, mọi người đều ngậm miệng nín lặng, ít ai có thể đối đáp đầy đủ. Nhưng người ở tại Kinh đô khâm kính mến chuộng khéo trọng Kinh Pháp Hoa. Sư mới nhân lợi thế đó, bèn khai giảng phân vạch, có Thiền sư Đàm Hiến là người nổi tiếng của chốn thiền môn, dựng nghiệp sáng ngời, Tăng tục đều bày vết tích, cung kính thỉnh Sư phụ diễn. Bấy chúng nghe đạo phong của Sư mà tìm đến cả muôn người, đầy chật cả giảng đường, khắp cùng ngoài bốn phía. Mới bày nhiều chỗ khác nhưng vẫn còn thiếu. Các nhà giàu sang đều dốc cả vàng bạc của cải, các hàng đạo bạn thanh tín thủy đều kính mến Đạo phong tốt đẹp ấy. Sư dùng giáo pháp chuyển hóa chẳng cùng, tài thí chất đầy, tùy phương ban trải dựng lập các ruộng phước, dùng đã có thừa, bèn sung vào mười vô tận. Sư bèn giao phó cho Thiền sư Đàm Hiến dùng để gieo trồng hai thứ ruộng Bi và kính.

Mãi đến niên hiệu Nhân thọ (601-605) đời Tùy, tại Khúc Trì có một pho tượng lớn cao đến trăm thước, sửa chữa từ lâu mà thân còn chưa hoàn thành. Sư bèn đến ở đó, phát thệ nguyện đảm nhận tạo lập, trích xả sáu vật, đều gá bốn duyên, chỉ khoảng thời gian mười ngày thí vật nối nhau, liền được trang nghiêm cao vợi ngời sáng. Nên phước lực của Sư làm cảm động đến tâm chúng sinh. Phàm mọi việc Sư tạo dựng, không gì chẳng thành tựu. Tề Vương Giản ở đời Tùy sớm kính phụng đạo đức, một khi trông thấy Sư mà chưa biết Thần phủ của Sư. Bèn đích thân đến để và thỉnh mời Luận Sĩ. Các bậc tài giỏi ở kinh liền trước sau cùng theo hơn sáu mươi vị, đều đã vùi lấp, bẻ gãy tiền phong khiến tên tuổi tự vang xa, thủy cùng nhóm họp lại. Sư làm Luận chủ. Bảo Chương

trình bày rằng: “Với tâm có khiếp sợ, lên ngôi tòa không, dùng miệng nói vụng về, thích nói lời giải thích...” mấy trăm câu như thế. Vương Giản nhìn lại học sĩ Phó Đức Sung mà bảo rằng: “Chưa hề gần ngự quan bén nhạy, chỉ như vừa rồi nói, sợ ít có ai truy tìm được vết tích ấy!” Phó Đức Sung nói rằng: “Mở lời thành luận, mới nghiệm thật ở ngày nay!” Vương Giản cùng các bạn đồng quan thầy đều ngợi khen.

Bấy giờ, có Sa-môn Tăng Xán là người có tự hiệu là “Tm Quốc Luận Sư” hùng biện nghiêng sông, lời nói bén nhọn, là người đầu tiên nêu câu hỏi, qua lại có hơn bốn mươi phen, Sư đối đáp tài tình, khơi rớt tràn đầy. Gần ngay lúc ấy thể mạo từ thái bày phát. Khấp pháp tòa mọi người đều thay đổi tình thế, thẹn thùng đỏ mặt mà lui. Khi đó, tiếng tốt của Sư càng sáng ngời kể từ trước đến nay. Vương Giản cho là chưa được hết lời, bèn thỉnh mời thêm hai ngày tham cứu lấy nghĩa khoa, lại bảo dựng lập nghĩa đối đáp, đều không ai chống kháng. Vương giản cúi đầu lễ tạ trọn quy hướng sư, và dâng tặng Sư phát trần cát tường cùng các y vật.

Về sau, khoảng đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, Sư viết hai ngàn bộ Kinh Pháp Hoa. Đến cuối đời Tùy(...-618) Sư tu tạo hai mươi lăm tôn tượng, tôn trí trong phòng viện, còn mình ở nhà xấu. Sớm tối kính thành lễ sám. Lại thiết đặt tôn tượng Bồ-tát Phổ Hiền, lập bày như trước, đích thân Sư tọa Thiền, quán lý Thật Tướng. Trấn giữ qua nhiều năm không thay đổi. Đến khi nhà Tiền Đường mở vận nghĩa cử, ban đầu mới đến Kinh đô. Võ Hoàng (Vua Cao Tổ-Lý Uyên?) đích thân vời Thích Tông, bái yết kiến thành cảm hóa ở môn hạ. Mọi người đều cho rằng cơ ngộ của Sư rất có tiếng tăm, Sư bèn từ chối mà đáp rằng: “Chỉ có bốn Dân đồ thán, phải nhân thời cơ cứu vớt đắm chìm.” Kể tăng người tục đều rất kính ngưỡng ân trạch của trời cao. Võ Hoàng vui mừng thăm hỏi hết lòng, chẳng hay biết trời đã xế, nói hồi lâu, riêng ban sắc ưu ái ngợi khen. Lại đặt lễ khác thường.

Đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Chư tăng quá đông nhiều, thiết đặt mười Đại đức làm giềng mối Pháp vụ, thuận theo bàn nghị ban đầu, Sư ở ngôi vị thứ nhất. Cả hai chùa Thật Tế và Định Thủy khâm trọng kính ngưỡng Đạo phong của Sư liền thỉnh đến ở. Sư bèn nhận lời cả hai nơi thỉnh nguyện và đến ở cả hai chùa. Có Tề Vương Nguyên Cát từ lâu đã hứng nhận Phong Du, thân thừa khuôn phép của thầy, lại thỉnh Sư đến trụ chùa Diên Hưng. Sư tùy ý muốn của chúng sinh mà đến, chẳng trệ ngại bước đi.

Đến lúc tuổi già, khí lực dần suy, thường thêm các thứ bệnh khổ.

Vua Cao Tổ (Lý Uyên) ban sắc tặng thuốc tốt, Trung sứ thường đến thăm. Sứ tự xét thế thực đã cùng cực khó lành, như sương móc treo đầu cành chẳng lâu dài, mới dâng Biểu Văn lên vua Cao Tổ rằng: “Cát Tạng tôi tuổi cao lắm bệnh, đức mỏng người suy, mong nhờ Thần tán, mà được bệnh lành. Chỉ ví Phong khí tăng thêm bạo dữ, mạng sống chỉ ở trong sớm chiều, buồn luyến vô cùng nên dâng biểu văn kính xin từ tạ, cúi xin Bệ hạ sống đời dài lâu, tiếp nối nước nhà, ban trả đức từ cứu giúp bốn sinh, hưng long Tam Bảo!” Đối với Trữ Hậu, các Vương, Sứ có gởi khải văn từ tạ, dặn dò vì Đại pháp.

Vào một buổi sáng, Sứ đòi lấy nước ấm để tắm gội, thay mặc y pháp mới sạch, vị thị giả xông hương, Sứ bảo xưng niệm danh hiệu Phật. Sứ ngồi kiết già nghiêm nhiên tư duy như có sắc thái mừng vui, sắp đến giờ thọ trai, Sứ an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi lăm tuổi. Lúc đó nhằm tháng năm niên hiệu Võ Đức thứ sáu (623) thời Tiền Đường. Trước lúc thị tịch, Sứ bảo để lộ bày nhục thể, mà sắc da càng trắng đẹp. Vua Cao Tổ có ban sắc an ủi, cấp tặng mọi vật bảo đến Nam Sơn tìm khám đá để tôn trí. Từ Đông Cung Thái tử trở xuống các hàng Vương Công v.v... đều gởi thư an ủi, thăm hỏi, cấp tặng tiền lụa. Nay Thượng sư làm Tần Vương riêng được tôn sùng kính lễ, mới an ủi chung rằng: “Các hành vô thương, pháp sư Cát Tạng, Đạo giúp ba thừa, Danh cao mười địa, chỉ ôm hoài bão mở mang Bát-nhã. Vườn Biện bao gồm nơi giải thoát, mới đáng dựng Đức Tịnh Độ, mở mang rừng Thiên. Đâu ý lắng bày ánh sáng sớm, gió nghiệp bay vụt khỏi đời, già từ hẩn vườn Nai, vôi bít đóng cửa thông, kiêm vì tình thống thiết, nói lời hiện còn Di Chỉ, lưu lại vết tích, người đã ra đi, càng thêm thương nhớ mến tiếc”. Bèn đón rước nhục thể thân Sứ đến chùa Chí Tướng ở Nam Sơn. Bấy giờ đang lúc trời nắng nóng, ngồi trên giường dây mà thi thể Sứ không thối rã, vẫn kiết già chẳng tán. Đệ tử Sứ là Sa-môn Tuệ Viễn dựng tạc phong thanh, thâu nhật di cốt còn lại, đục đá mà an trí tại Bắc nham, dựng bia khen ngợi Đức hạnh.

Ban đầu, lúc Sứ còn là Sa-di mà tiếng tốt đã vang. Sau khi thọ giới cụ túc, vinh hạnh càng xa. Sứ dung mạo tợ phạm tăng tây vực mà lời tiếng thật người Đông Hoa, ngậm tước châu ngọc, biến thái trội vượt trời. Xét đoán lưu loát hầu như chẳng chất chứa học vấn. Đối ngộ với Đế Vương, thần lý tăng thêm hằng tập. Giải quyết vướng mắc, thỉnh chúng nghe mà quên cả thời gian lâu mệt. Nhưng Sứ ưa quen phong lưu, chẳng màng bố buộc, nên các hàng thức giả trình tố hoặc có sự dèm pha. Lại thêm dù thông đạt Luận Tông nhưng rất có tâm giản lược, nên

Đức ngự trị chúng chẳng phải sở trường của Sư. Khi xưa giữa những lúc hưng phế của thời nhà Trần, nhà Tùy, khắp chốn giang âm rối loạn. Kẻ tăng người tục kéo đến, mọi người đều bỏ thành ấp dẫn nhau đến các chùa, chỉ là Văn sở, Sư đều thu nhận nhóm họp đặt trong nhà ba gian, đến sau lúc Bình định mới rửa sơ đi. Nên sở trường chú trọng sự học chẳng ai qua Sư. Sư chú dẫn rộng rãi đều do đó. Sư giảng Tam Luận hơn một trăm biến, giảng Kinh Pháp Hoa hơn ba trăm biến. Các Kinh Đại Phẩm, luận Đại Trí Độ, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Duy-ma, v.v... mỗi bộ vài mươi biến, đều soạn thuật Huyền Số, lưu hành rộng ở đời. Đến ngày sắp thị tịch, Sư soạn luận “Bất Bối” (không khiếp sợ) vừa buông bút thì liền tịch. Văn từ viết rằng: “Lược nêu mười môn lấy làm tự an ủi. Phàm ngậm răng đội tóc, ai cũng thích sống mà sợ chết, bởi chẳng hiểu về nguyên cơ. Chết do sinh (sống) mà có, nên phải sợ sinh. Nếu như ta chẳng sinh thì do đâu mà có chết? Thấy mới sinh thì biết cuối cùng có chết. Nên phải khóc sinh không nên sợ chết!” Văn dài lắm, ở đây chẳng chép hết.

Sa-môn Tuệ Viễn nương tựa vâng thừa kính hầu, là bậc tuấn ngộ ở đương thời, phu truyền Pháp hoá sáng ngời tiếp nối cảnh khác, sau cùng ngài ẩn vết tại chùa Ngô Chân ở Lam Điền. Lúc Sư giảng pháp tại Kinh ấp, mau làm cảm động tâm người. Người đời vì thế mà chú ý, ở đây chẳng nói rộng.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
(Quyển 11 hết)